

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2023

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ);

Căn cứ Chương trình hành động số 246-CTr/TU ngày 02/01/2019 của Tỉnh ủy Ninh Thuận về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 17/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển kinh tế biển đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 12/5/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thông qua Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ, cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

Tổ chức quán triệt sâu rộng, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp và phân công nhiệm vụ cho các Sở, ngành, địa phương nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với đặc điểm, tình hình của tỉnh.

### 2. Yêu cầu

Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có biển theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, lĩnh vực được giao tổ chức quán triệt sâu sắc, toàn diện và triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ và Kế hoạch của Ủy ban

nhân dân tỉnh; xác định tài nguyên, môi trường biển là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế của tỉnh và phải được khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững; phát triển kinh tế biển của tỉnh cùng với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, phát triển kinh tế biển xanh; khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển là quyền lợi, trách nhiệm của mọi cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động khu vực ven biển, trên biển gắn liền với đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030**

Tài nguyên biển thuộc phạm vi quản lý của tỉnh phải được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, công bằng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế; ô nhiễm môi trường biển được ngăn ngừa, kiểm soát, giảm thiểu đáng kể; đa dạng sinh học biển, ven biển được bảo vệ, duy trì và phục hồi; các giá trị di sản thiên nhiên, di sản văn hóa được bảo tồn và phát huy; tác động của thiên tai được hạn chế thấp nhất có thể, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

a) Tài nguyên biển được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả để phát triển nhanh và bền vững các ngành kinh tế biển và khu vực ven biển, nhất là phát triển các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: (1) Phát triển năng lượng, năng lượng tái tạo; (2) Phát triển đô thị, du lịch biển và các loại hình dịch vụ biển; (3) Phát triển công nghiệp ven biển; (4) Phát triển đồng bộ khai thác và nuôi trồng thủy hải sản; (5) Kinh tế hàng hải; (6) Khai thác tài nguyên khoáng sản biển khác.

b) Ô nhiễm môi trường biển được kiểm soát, ngăn ngừa và giảm thiểu; các nguồn gây ô nhiễm từ đất liền và trên biển, sự cố môi trường biển, ô nhiễm rác thải nhựa đại dương được quan trắc, kiểm soát và quản lý hiệu quả. Đến năm 2030, 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt tại các xã, phường ven biển được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường; 100% dự án ven biển được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, có hệ thống xử lý nước thải, khí thải và chất thải rắn đạt chuẩn.

Quản lý, bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa và các hệ sinh thái, đặc biệt là các rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển.

c) Ứng phó hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng dựa vào sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển cùng với năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu và tác động của nước biển dâng được tăng cường.

d) Các nhiệm vụ điều tra cơ bản và nghiên cứu khoa học biển cơ bản đáp ứng được yêu cầu của hoạt động khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản

văn hóa biển, phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng góp phần phát triển bền vững kinh tế biển.

### **3. Tầm nhìn đến năm 2050**

Tài nguyên biển được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả nhằm đưa Ninh Thuận trở thành tỉnh mạnh về biển trong khu vực trên nền tảng tăng trưởng xanh, đa dạng sinh học biển được bảo tồn, môi trường biển trong lành, xã hội hài hòa với thiên nhiên.

## **III. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ ĐẾN NĂM 2030**

### **1. Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển**

#### **a) Phân vùng sử dụng không gian biển**

- Từng bước khắc phục những mâu thuẫn, chông chéo về lợi ích khai thác, sử dụng tài nguyên giữa các ngành, các cấp, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và sinh kế của người dân, bảo đảm môi trường biển, các hệ sinh thái biển, ven biển được bảo vệ hiệu quả, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Thực hiện các mục tiêu bảo đảm quốc phòng, an ninh; khai thác, sử dụng tài nguyên biển; bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và nguồn lợi thủy sản và bảo tồn các di sản văn hóa biển.

- Ưu tiên bố trí không gian biển cho các hoạt động sau:

+ Phát triển năng lượng, năng lượng tái tạo: xác định năng lượng là lĩnh vực đột phá, quan trọng trong mục tiêu phát triển kinh tế biển; tập trung phát triển hướng ra biển, xúc tiến đầu tư các dự án điện gió ngoài khơi, điện gió ven biển theo hướng công nghệ mới gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; tập trung hoàn thành các thủ tục đầu tư dự án Tổ hợp điện khí, khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) Cà Ná giai đoạn 1 quy mô 1.500 MW. Phấn đấu đến năm 2025, ngành năng lượng ven biển chiếm 35-36% trong kinh tế biển.

+ Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đưa du lịch biển Ninh Thuận trở thành điểm đến hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế; tăng cường công tác truyền thông, quảng bá, hình thành và khai thác hiệu quả tuyến du lịch Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa với các tuyến du lịch quốc gia, gắn với phát huy, bảo tồn đa dạng sinh học, giá trị di sản thiên nhiên, văn hoá, lịch sử đặc sắc, nhằm phát huy thế mạnh, cảnh quan thiên nhiên đa dạng mang những nét đặc trưng riêng của Ninh Thuận; hoàn thành các đề án quy hoạch phân khu về phát triển đô thị du lịch; huy động các nguồn lực ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng các khu du lịch trọng điểm; khuyến khích, thu hút đầu tư hình thành các khu dịch vụ du lịch phức hợp, đa dạng hóa các loại hình du lịch, hình thành các khu đô thị du lịch biển, các loại hình thương mại, dịch vụ chất lượng cao. Đến năm 2025, phấn đấu thu hút 3,5 triệu lượt khách, trong đó: khách quốc tế chiếm khoảng 12-13%; doanh thu ngành du lịch đạt khoảng 2.900 tỷ đồng, đóng góp 13% GRDP và giải quyết việc làm cho 15% lao động của toàn tỉnh. Đến năm 2030, du lịch Ninh

Thuận thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển bền vững. Ninh Thuận trở thành điểm đến du lịch đặc biệt hấp dẫn, có năng lực cạnh tranh cao so với khu vực và cả nước. Phần đầu đón 6 triệu lượt khách, trong đó: khách quốc tế chiếm khoảng 14-15%, doanh thu ngành du lịch đạt khoảng 5.900 tỷ đồng, đóng góp 15% GRDP và giải quyết việc làm cho 20% lao động của toàn tỉnh.

+ Phát triển công nghiệp ven biển theo hướng ưu tiên thu hút đầu tư các dự án công nghiệp quy mô lớn, công nghiệp công nghệ cao thân thiện môi trường gắn với phát triển ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ lĩnh vực năng lượng tái tạo, công nghiệp cơ khí chế tạo, chế biến thủy sản, công nghiệp hóa chất, sản xuất muối, sản phẩm sau muối, công nghiệp sửa chữa và đóng tàu,... Quy hoạch, phát triển và mở rộng quy mô sản xuất các làng nghề chế biến cá hấp, nước mắm truyền thống góp phần giải quyết ô nhiễm môi trường và việc làm cho Nhân dân vùng ven biển, tạo bước phá trong phát triển bền vững công nghiệp ven biển. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tỉnh.

+ Phát triển đồng bộ khai thác, nuôi trồng thủy sản hướng mạnh ra biển; phát triển nuôi biển gắn với chế biến thủy sản; cơ cấu lại nghề khai thác hải sản theo hướng đánh bắt xa bờ, hiệu quả, bền vững, góp phần tham gia bảo vệ quốc phòng an ninh vùng biển đảo của Tổ quốc; xây dựng Ninh Thuận thành trung tâm sản xuất tôm giống chất lượng cao của cả nước; đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu sản xuất giống thủy sản tập trung An Hải, Nhơn Hải, Sơn Hải theo quy hoạch; kêu gọi đầu tư xây dựng các cảng, bến thủy nội địa hành khách phục vụ du lịch Bình Tiên-Vĩnh Hy, Bình Sơn-Ninh Chữ, Mũi Dinh để tiếp nhận các tàu du lịch trong nước,... Tổ chức nạo vét các luồng lạch, khu neo đậu tại các cảng cá, bảo đảm an toàn; triển khai thực hiện tốt dịch vụ hậu cần nghề cá. Phần đầu đến năm 2025, diện tích nuôi thủy sản trên đất liền đạt 500-600 ha, trên biển khoảng 1.000 ha; sản lượng khai thác đạt 110-150 nghìn tấn; sản xuất tôm giống đạt 41 tỷ con; giá trị gia tăng ngành thủy sản tăng đến 2-3%/năm.

+ Phát triển kinh tế hàng hải: Hoàn thành đầu tư Cảng biển tổng hợp Cà Ná, hình thành Cảng cạn và Trung tâm dịch vụ Logistics, từng bước hình thành và phát triển các loại hình dịch vụ Logistics; xây dựng hoàn thiện các tuyến đường giao thông, kết nối liên thông các cảng biển với các tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đường sắt Bắc - Nam, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 27. Đến năm 2025, kinh tế hàng hải chiếm khoảng 7- 8% trong cơ cấu các ngành kinh tế biển.

+ Khai thác các tài nguyên khoáng sản biển khác: Rà soát những khu vực có chứa quặng titan chưa đảm bảo điều kiện khai thác, ảnh hưởng môi trường, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường đưa vào khu vực dự trữ Quốc gia theo chủ trương của Chính Phủ tại Nghị quyết 115/NQ-CP. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, thăm dò, khảo sát, đánh giá tiềm năng, nâng cao hiệu quả khai thác gắn với chế biến sâu các tài nguyên khoáng sản biển khác, khoáng sản biển sâu, đặc biệt là các khoáng sản có trữ lượng lớn, giá trị cao, có ý nghĩa chiến lược; kết hợp hài hòa giữa khai thác, chế biến với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển.

b) Ưu tiên nguồn lực để đẩy mạnh các hoạt động, mô hình khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường, các dự án đáp ứng tiêu chí kinh tế tuần hoàn, phù hợp với trữ lượng tài nguyên và sức chứa sinh thái; hạn chế các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên bằng các công nghệ lạc hậu, hiệu quả thấp, gây tổn hại đến tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học.

c) Tạo bước chuyển biến căn bản trong công tác quản lý tổng hợp tài nguyên biển, tài nguyên vùng bờ thông qua áp dụng các công cụ quy hoạch, kế hoạch, chương trình quản lý tổng hợp. Áp dụng các công cụ thuế, phí, cơ chế đấu giá, đấu thầu trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

d) Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định quốc tế về phát triển bền vững của các ngành kinh tế biển, thực thi có hiệu quả các công ước, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, ngăn chặn hiệu quả khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo, không theo quy định.

đ) Thúc đẩy hoạt động đồng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chia sẻ trách nhiệm và quyền hưởng lợi trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo; đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi nghề, đa dạng hóa sinh kế cho cộng đồng; bảo tồn các di sản văn hóa biển bằng các giải pháp chính sách, pháp luật, tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

## **2. Bảo vệ môi trường biển**

a) Tổ chức điều tra, thống kê, phân loại, quan trắc và đánh giá các loại hình ô nhiễm, tình trạng ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm môi trường biển.

b) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc điều tra, đánh giá sức chịu tải môi trường, xác định cấp độ rủi ro ô nhiễm môi trường biển cho phát triển kinh tế biển; phân vùng rủi ro và lập bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển; công bố các khu vực biển vượt sức chịu tải môi trường.

c) Tăng cường năng lực và chủ động kiểm soát, giám sát, xử lý các vấn đề môi trường biển của tỉnh bao gồm ô nhiễm môi trường biển, axit hóa đại dương và các vấn đề liên quan khác.

d) Ưu tiên nguồn lực từ nguồn kinh phí bảo vệ môi trường để triển khai Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030. Đến năm 2030, tỷ lệ thu hồi, xử lý rác thải nhựa tại các bãi biển, khu du lịch biển và khu bảo tồn biển đạt 100%.

đ) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tăng cường năng lực hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển.

e) Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp, thanh tra, kiểm tra, giám sát trong kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường biển.

## **3. Bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn lợi biển**

a) Bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa và các hệ sinh thái, đặc biệt là các rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển.

b) Đẩy mạnh điều tra, đánh giá và xác định mức độ dễ bị tổn thương, tính nguy cấp của các loài sinh vật biển đặc hữu, có giá trị khoa học và kinh tế để đưa ra các phương án, giải pháp bảo vệ, bảo tồn và phục hồi.

c) Thiết lập, mở rộng và tăng cường năng lực quản lý các khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản con non sinh sống và đường di cư của các loài thủy sản. Đến năm 2030, 100% các khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản được xác định và quản lý hiệu quả.

d) Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, gây nuôi và buôn bán xuyên biên giới các loài sinh vật biển hoang dã thuộc danh mục cần được bảo tồn.

đ) Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; kiểm soát chặt chẽ sự du nhập các giống, loài thủy sản ngoại lai và sự du nhập sinh vật ngoại lai qua hoạt động vận tải biển.

#### **4. Ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng**

a) Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

b) Nâng cao khả năng chống chịu và phục hồi của hệ thống tự nhiên và xã hội vùng biển và ven biển trước các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu; phát triển mô hình cộng đồng ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; giám sát tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành kinh tế biển và đời sống, sinh kế cộng đồng trên vùng biển và ven biển.

c) Triển khai các giải pháp ứng phó, trong đó có giải pháp ứng phó dựa vào hệ sinh thái và các giải pháp dựa vào tự nhiên thông qua việc bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái biển và ven biển nhằm giảm thiểu thiệt hại do nước biển dâng, xâm nhập mặn, lũ lụt, hạn hán và các tác động liên quan khác đối với vùng biển và ven biển.

d) Chủ động chuẩn bị các phương án, điều kiện phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo phù hợp với từng ngành kinh tế biển, các vùng biển và ven biển.

đ) Rà soát và đổi mới công nghệ và hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo theo hướng giảm thiểu phát thải khí nhà kính theo cam kết của Việt Nam tại COP 26 về đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

#### **5. Điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển**

a) Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương tiếp tục rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các đề án, dự án, nhiệm vụ thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển phục vụ trực tiếp cho hoạt động phát triển bền vững kinh tế biển theo Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Thực hiện điều tra cơ bản, kết hợp với nghiên cứu khoa học để phát hiện các loại tài nguyên mới, xác định khả năng phục hồi, chống chịu của hệ sinh thái biển và sức chịu tải môi trường biển, xác định các khu vực có tiềm năng phát triển các ngành kinh tế biển.

c) Tổ chức triển khai thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển; nâng cao chất lượng quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên; triển khai thực hiện dự án Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ sau khi Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## **6. Khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế**

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện nhanh việc chuyển đổi số vào các ngành kinh tế biển. Lựa chọn, tập trung phát triển công nghệ mới và đầu tư nghiên cứu các đề tài, dự án phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

b) Chủ động tìm kiếm, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức khoa học trong và ngoài nước để tiến hành điều tra, đánh giá về tài nguyên, hệ sinh thái biển và ven biển của tỉnh.

c) Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn xác định chức năng, phân vùng chức năng các khu vực biển; sức chịu tải của vùng biển trong khai thác, sử dụng tài nguyên.

d) Xây dựng và phát triển công cụ, thiết bị, hệ thống hỗ trợ ra quyết định kiểm soát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; giám sát môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển theo hướng tích hợp.

đ) Thúc đẩy, củng cố hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, kiểm soát các nguồn ô nhiễm, ứng phó sự cố tràn dầu, tràn hóa chất và các sự cố môi trường khác trên vùng biển Ninh Thuận.

## **IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển**

a) Rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật về biển; ban hành đầy đủ các cơ chế, chính sách huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để khai thác toàn diện tiềm năng tài nguyên biển.

b) Kiện toàn, đổi mới tổ chức và vận hành hệ thống cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về biển của tỉnh; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý về biển có đủ phẩm chất, năng lực, chuyên nghiệp, hiện đại. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương có biển về công tác quản lý nhà nước về tài nguyên biển.

c) Tăng cường năng lực và tổ chức bộ máy quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đủ thẩm quyền thực hiện công tác điều phối, phối hợp và giải quyết những mâu thuẫn chồng chéo giữa các sở, ngành, địa phương có biển trong khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển; về khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển.

đ) Xây dựng chính sách đầu tư bền vững cho các nhiệm vụ về quản lý tổng hợp biển và đầu tư phát triển các chương trình, dự án và xây dựng công trình kinh tế trọng điểm; xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực biển.

e) Xây dựng hành lang pháp lý để áp dụng các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên, môi trường biển như lệ phí ô nhiễm, lệ phí xả thải, phí sản phẩm, lệ phí hành chính thuế, các quỹ môi trường biển và các khoản trợ cấp khác.

## **2. Phát triển khoa học, công nghệ**

a) Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, cách mạng công nghệ lần thứ tư, chuyển đổi số, công nghệ số, thiết bị không người lái (trên không, dưới nước); phát triển các mô hình sử dụng bền vững, tuần hoàn tài nguyên biển để nhân rộng; gắn các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với công tác điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

b) Đầu tư trang thiết bị, phương tiện, nguồn nhân lực cho nghiên cứu khoa học, công nghệ hiện đại.

c) Thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp và khối tư nhân, thông qua các chính sách khuyến khích đầu tư vào công tác phát triển khoa học, công nghệ biển, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ chế biến sâu, công nghệ khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường.

## **3. Chủ động tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế về quản lý, nghiên cứu tài nguyên, môi trường biển**

a) Thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế về quản lý, sử dụng, bảo tồn bền vững tài nguyên và môi trường biển.

b) Đẩy mạnh việc tiếp xúc, giới thiệu, thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan, hợp tác đa phương trong việc giải quyết các tranh chấp, xung đột lợi ích liên quan đến tài nguyên và môi trường biển.

## **4. Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển**

Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức về biển, đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, đa dạng hóa các ngành nghề, phát triển nhanh nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu lao động các ngành kinh tế biển; xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh.



## **5. Xây dựng cơ chế tài chính bền vững phục vụ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển**

a) Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật nhằm đa dạng hóa, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, ngoài nguồn từ ngân sách nhà nước, cần đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn đầu tư để phục vụ công tác quản lý, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển. Đảm bảo nguồn tài chính ổn định và có kế hoạch.

b) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước từ khai thác, sử dụng tài nguyên và môi trường biển và cơ chế đầu tư trở lại cho điều tra, nghiên cứu về biển, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

c) Đẩy mạnh xây dựng và áp dụng các công cụ kinh tế và chính sách trong quản lý môi trường biển, như: Lệ phí ô nhiễm, lệ phí xả thải, phí sử dụng biển, phí sản phẩm, lệ phí hành chính thuế, cấp phép và thu hồi giấy phép khai thác, sử dụng biển, đảo, các quỹ môi trường biển và các khoản trợ cấp khác. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về phí và lệ phí trong việc các bên liên quan được hưởng các lợi ích từ khu bảo tồn biển, các quy định hỗ trợ người dân trong khu bảo tồn biển chuyển đổi sinh kế và cơ chế phối hợp giữa các bộ, ban, ngành trong việc xây dựng, vận hành khu bảo tồn biển.

## **6. Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển**

Thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển trên địa bàn tỉnh; thiết lập kết nối, chia sẻ dữ liệu tài nguyên, môi trường biển giữa các cơ quan, giữa trung ương và địa phương; tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để đảm bảo xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn; tiếp tục rà soát, hoàn thiện phần mềm ứng dụng công nghệ GIS quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển tỉnh Ninh Thuận.

## **7. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biển, về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển**

a) Tập trung tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân về biển, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển thông qua các chiến dịch tuyên truyền cao điểm hàng năm bao gồm: Ngày Môi trường thế giới (05/6), Ngày Đại dương thế giới (08/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01 - 08/6), ra quân “Chiến dịch làm sạch biển”,....

b) Đẩy mạnh giáo dục pháp luật nhằm nâng cao hiểu biết, từ đó hình thành ý thức bảo vệ môi trường, trồng, phục hồi và bảo vệ rừng ngập mặn, ý thức chấp hành pháp luật về biển trong xã hội. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cộng đồng dân cư ven biển về biến đổi khí hậu và kỹ năng thích nghi để sống chung với biến đổi khí hậu. Vận động ngư dân không sử dụng các biện pháp có tính hủy diệt, thiếu bền vững trong khai thác hải sản, không khai thác hải sản trong các vùng cấm, không đánh bắt các loài thủy sinh thuộc danh mục cấm khai thác và có trách nhiệm bảo vệ các loài thủy sinh thuộc danh mục ưu tiên bảo vệ.

c) Các phương tiện thông tin đại chúng và truyền thông có chuyên mục tuyên truyền về tài nguyên thiên nhiên, môi trường và trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, giữ gìn chất lượng môi trường biển; phổ biến kiến thức về phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển; nâng cao nhận thức về hợp tác, hội nhập, bảo vệ chủ quyền, tài nguyên, môi trường biển.

d) Đưa nội dung giáo dục về tài nguyên, môi trường, chủ quyền biển vào chương trình giảng dạy ở các trường học nhằm cung cấp thông tin, kiến thức cơ bản về biển, tài nguyên và môi trường biển nước ta, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển cho các tầng lớp học sinh, sinh viên. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên trong tuyên truyền, giáo dục ý thức về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

## **V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC**

1. Phối hợp với các Bộ trong việc triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

## **VI. NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

### **1. Sử Tài nguyên và Môi trường**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả nội dung Kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh. Làm đầu mối tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương ven biển tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn tài nguyên biển, phù hợp với quy hoạch, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương, bảo vệ hệ sinh thái biển và đa dạng sinh học.

- Tổ chức các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Quan trắc, giám sát, theo dõi ô nhiễm môi trường biển. Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải ra biển.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ tỉnh Ninh Thuận sau khi Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển theo quy định.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan, tham mưu bố trí nguồn vốn đầu tư công thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư các dự án quy mô lớn thuộc 06 nhóm ngành kinh tế biển được xác định tại Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 17/01/2022 của Tỉnh ủy.

## **3. Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch từ dự toán ngân sách hằng năm theo quy định và trong khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

## **4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Phối hợp các Sở, ngành liên quan, các địa phương ven biển thúc đẩy các hoạt động nuôi trồng thủy sản bền vững theo hướng ra biển; phát triển nuôi biển gắn với chế biến thủy sản; phát triển Ninh Thuận thành trung tâm sản xuất tôm giống chất lượng cao của cả nước.

- Tham mưu các giải pháp cơ cấu lại nghề khai thác hải sản vùng bờ và vùng biển hiệu quả, bền vững.

- Theo dõi và quản lý các hoạt động khai thác hải sản xa bờ, nuôi trồng hải sản tại khu vực ven biển, khoanh vùng, bảo vệ các khu vực bãi giống, bãi đẻ, bảo vệ diện tích rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức nạo vét các luồng lạch, khu neo đậu tại các cảng cá, bảo đảm an toàn; phối hợp triển khai tốt dịch vụ hậu cần nghề cá.

## **5. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh**

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên biển, giữ vững chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển. Tham gia phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn trên biển, làm chỗ dựa vững chắc cho ngư dân và các thành phần kinh tế sản xuất, khai thác, sử dụng tài nguyên biển bền vững.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham gia và bảo vệ an ninh, an toàn cho các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và khai thác, sử dụng tài nguyên tại vùng biển của tỉnh.

### **6. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh**

- Phối hợp với các lượng hiệp đồng bảo vệ, giữ vững chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên khu vực biên giới biển của tỉnh; tăng cường tuần tra, kiểm soát chặt chẽ người, phương tiện ra vào hoạt động trong khu vực biên giới biển của tỉnh; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các lực lượng tổ chức cứu hộ, cứu nạn trên biển; chủ trì chỉ huy lực lượng tìm kiếm cứu nạn trên biển khi có tình huống xảy ra.

### **7. Công an tỉnh**

Làm tốt công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm trong khai thác tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường biển; đảm bảo an ninh quốc gia, an ninh trật tự trong quá trình xây dựng và triển khai các nhiệm vụ của Chiến lược; tham gia bảo vệ an ninh quốc phòng, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển.

### **8. Sở Nội vụ**

- Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục rà soát, theo dõi văn bản triển khai, hướng dẫn thực hiện của Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên và Môi trường để kịp thời nghiên cứu, tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển thuộc tỉnh đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, theo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh tham mưu tổ chức triển khai thực hiện việc phân định ranh giới hành chính trên biển sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **9. Sở Khoa học và Công nghệ**

Trên cơ sở đề xuất đặt hàng của Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành, địa phương, tham mưu đề xuất Hội đồng Khoa học tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nuôi biển, khai thác, bảo quản sản phẩm nghề cá,... phục vụ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; phục hồi, bảo vệ đa dạng sinh học tại khu bảo tồn biển, góp phần chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp của cộng đồng dân cư trong khu bảo tồn biển.

## **10. Sở Công thương**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các dự án, nhiệm vụ về phát triển kinh tế biển; phát triển các ngành công nghiệp ven biển có trọng tâm, trọng điểm và thân thiện với môi trường.

## **11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phát triển và nhân rộng các mô hình du lịch bền vững, du lịch cộng đồng trên biển và vùng ven biển.

- Phối hợp với Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch tham mưu triển khai các chương trình về liên kết ngành trong lĩnh vực du lịch.

- Đẩy nhanh chuyển đổi số đối với hoạt động ngành du lịch, tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch của tỉnh bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, tạo sức hút mạnh mẽ điểm đến của du lịch Ninh Thuận; mở rộng liên kết vùng và hợp tác với các tổ chức lữ hành quốc tế để thu hút du khách đến với Ninh Thuận. Truyền thông mạnh mẽ và khai thác hiệu quả tuyến du lịch Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa với các tuyến du lịch quốc gia, gắn với phát huy, bảo tồn đa dạng sinh học, giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử đặc sắc...

## **12. Sở Giao thông vận tải**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các chính sách, nhiệm vụ về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vùng ven biển, cảng biển, vận tải biển; đẩy mạnh phát triển hệ thống cảng biển xanh, thiết lập các khu vực biển đặc biệt nhạy cảm. Ưu tiên bố trí các công trình, dự án trong quy hoạch giao thông vận tải của tỉnh trên địa bàn các huyện, thành phố có biển đúng mục đích, yêu cầu của Kế hoạch.

- Tham mưu đầu tư hoàn thiện các tuyến đường giao thông, kết nối liên thông các cảng biển với các tuyến đường bộ cao tốc Bắc-Nam, đường sắt Bắc-Nam, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 27.

## **13. Sở Xây dựng**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan sớm hoàn thành trình phê duyệt các Đề án quy hoạch dải ven biển thuộc lĩnh vực quản lý của Ngành.

- Tham mưu phát triển hệ thống đô thị du lịch ven biển có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ, tôn tạo và nâng cao giá trị các cảnh quan, sinh thái, môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, trong đó: đô thị Phan Rang – Tháp Chàm là đô thị trung tâm, hiện đại, thông minh, có tính chất đô thị du lịch, dịch vụ sinh thái; đô thị Cà Ná là đô thị công nghiệp, cảng biển, trung tâm logistic và năng lượng khí hóa lỏng, trung tâm công nghiệp - cảng biển phía Nam của tỉnh; xúc tiến đầu tư, triển khai khu đô thị mới ven biển.

#### **14. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan báo chí, thông tin tuyên truyền trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về biển và hải đảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nước ta trên biển Đông, về tiềm năng, lợi thế và sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh; giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của vùng biển Ninh Thuận để thu hút đầu tư, du khách tới tham quan, tìm hiểu về vùng biển Ninh Thuận.

#### **15. Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa**

- Tiếp tục phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị và địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy chế quản lý khu bảo tồn biển Vườn quốc gia Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị và địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy chế quản lý và bảo vệ môi trường Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

#### **16. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Thuận**

Có chuyên mục tuyên truyền về tài nguyên thiên nhiên, môi trường và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, giữ gìn chất lượng môi trường biển; phổ biến kiến thức về phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển; nâng cao nhận thức về hợp tác, hội nhập, bảo vệ chủ quyền, tài nguyên, môi trường biển.

#### **17. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có biển**

- Xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp để tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển tại địa phương bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, tỉnh.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tầng lớp Nhân dân về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

- Chủ trì xây dựng, điều chỉnh, bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch trong phạm vi quyền hạn của địa phương.

### **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Căn cứ Kế hoạch này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị tập trung chỉ đạo triển khai kế hoạch cụ thể theo nhiệm vụ được phân công. Định kỳ trước ngày 15/12 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) theo quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, chỉ đạo. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết việc thực hiện Chiến lược vào năm 2025 và đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo trong phạm vi quyền hạn của địa phương.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan kịp thời có văn bản đề xuất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường; (báo cáo)
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; (báo cáo)
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các đơn vị lực lượng vũ trang cấp tỉnh;
- Ban Quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Ninh Thuận, Đài PT&TH tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐVP, VXNV, KTTH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Huyền**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC KHAI THÁC,**  
**SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẾN NĂM 2030**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận)*

STT	Chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Ghi chú
1	Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có biển	<i>Triển khai thực hiện sau khi Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.</i>
2	Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải nhựa từ đất liền và trên biển thuộc địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có biển	<i>Kế hoạch 1526/KH-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành Kế hoạch hành động quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030.</i>
3	Tham mưu tổ chức triển khai thực hiện việc phân định ranh giới hành chính trên biển	Sở Nội vụ	Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương có liên quan	<i>Triển khai thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền ban hành ranh giới hành chính trên biển</i>
4	Tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển thuộc tỉnh đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, theo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương	Sở Nội vụ	Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương có liên quan	<i>Triển khai thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản triển khai, hướng dẫn thực hiện</i>



5	Chương trình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển du lịch, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, địa phương có liên quan	<i>Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Chương trình ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030</i>
6	Đề án Bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương có liên quan	<i>Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành Đề án Bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030</i>
7	Dự án Cải thiện quản lý tài nguyên biển trong khu bảo tồn biển Vườn quốc gia Núi Chúa.	Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có biển; Tổ chức Fauna & Flora.	<i>Thời gian dự án trong ngân sách đã có từ ngày: 01/07/2022 - 31/12/2027. Thời gian chính thức thực hiện dự án sẽ được bắt đầu khi dự án được UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt triển khai.</i>